

Vấn đề 01: Kiểm tra sự tồn tại của tập tin, thư mục

Sử dụng hàm file_exist(\$fileName) để kiểm tra sự tồn tại của tập tin, thư mục

- \$filename: tên (đường dẫn) tập tin, thư mục cần kiểm tra
- Kết quả trả về true → Tồn tại
- Kết quả trả về false → Không tồn tại

Vấn đề 02: Xem một số thông tin cơ bản của tập tin, thư mục

- filetype(\$fileName) trả về kiểu của \$filename (tập tin hoặc thư mục)
- filesize(\$fileName) trả về dung lượng của \$filename (đơn vị bytes)
- is_readable(\$fileName) kiểm tra \$fileName có được quyền đọc hay không?
- is_writeable(\$fileName) kiểm tra \$fileName có được quyền ghi hay không?
- is_executable(\$fileName) kiểm tra \$fileName có được quyền thực thi hay không?

Vấn đề 03: Các hàm lấy thông tin từ đường dẫn

- basename(\$path) trả về kết quả là tên của tập tin từ đường dẫn \$path
- dirname(\$path) trả về tên thư mục tại đường dẫn \$path
- pathinfo (\$path, \$options) trả về một mảng các thông tin từ đường dẫn \$path
 - dirname
 - basename
 - extension

Vấn đề 04: Thống kê số dòng, số từ và số ký tự trong file

- file (\$fileName) đọc tập tin \$fileName thành một mảng, mỗi dòng trong tập tin \$fileName tương ứng với một phần tử của mảng
- file_get_contents (\$fileName) doc tập tin \$fileName thành một chuỗi

Vấn đề 05: Ghi nội dung vào tập tin với file_put_contents

- Sử dụng hàm file_put_contents (\$fileName, \$data, \$mod) để ghi nội dung \$data
 vào tập tin \$fileName
- Quá trình thực thi của hàm file_put_contents(): Tạo ra tập tin nếu tập tin đó
 chưa tồn tại → Mở tập tin → Ghi nội dung → Đóng tập tin
- Nếu \$mod = FILE_APPEND nội dung cũ ở tập tin được giữ, nội dung mới được
 ghi vào cuối tập tin
- · Nếu ghi thành công, trả về tổng số ký tự đã ghi ngược lại trả về FALSE

Vấn đề 06: Đổi tên tập tin, thư mục

- Sử dụng hàm rename (\$oldName, \$newName) để đổi tên tập tin, thư mục từ giá trị \$oldName thành giá trị \$newName (lưu ý thay đổi cả phần đường dẫn)
- Hàm trả về kết quả TRUE nếu rename thành công, trả về kết quả FALSE nếu rename không thành công

Vấn đề 07: Sao chép tập tin

- Sử dụng hàm copy (\$sourceFile, \$destinationFile) để copy nội dung từ tập tin
 \$sourceFile sang tập tin \$destinationFile
- Hàm trả về kết quả TRUE nếu copy thành công, trả về kết quả FALSE nếu copy không thành công
- Làm sao copy một thư mục nào đó?

Vấn đề 08: Khái quát về vấn đề phân quyền tập tin, thư mục (P1)

Xét mối quan hệ giữa người dùng và một tập tin, thư mục. Chúng ta có 3 nhóm sau đây:

- Owner/User: Người sở hữu, chủ tài khoản.
- · Group: Các tài khoản cùng hoạt động trong một nhóm.
- Other/Guest: Ngoài 2 đối tượng trên.

Vấn đề 08: Khái quát về vấn đề phân quyền tập tin, thư mục (P2)

Xét về quyền thao tác giữa người dùng và một tập tin. Chúng ta có 3 loại quyền sau:

- Read: có thể đọc nội dung trong tập tin
- Write: có thể thay đổi nội dung của tập tin
- Execute: có thể mở tập tin (khởi chạy chương trình nếu là một tập tin ứng dụng)

Vấn đề 08: Khái quát về vấn đề phân quyền tập tin, thư mục (P3)

Xét về quyền thao tác giữa người dùng và một thư mục. Chúng ta có 3 loại quyền sau:

- Read: Có thể duyệt nội dung trong thư mục (Xem trong thư mục có gì, phải đi kèm với quyền Execute).
- Write: Có thể thay đổi nội dung trong thư mục này (Thêm, xóa, sửa, đổi tên thư mục/tập tin bên trong thư mục này).
- Execute: Có thể mở thư mục (Mở thư mục ra, nhưng không thể thấy gì trong thư mục này nếu không đi kèm với quyền Read).

Vấn đề 08: Khái quát về vấn đề phân quyền tập tin, thư mục (P4)

Cấp quyền truy cập cho tập tin, thư mục:

- Quyền cho một tập tin, thư mục thường được biểu diễn tương ứng với một số nguyên có 3 chữ số xyz
 - Số thứ nhất x đại diện cho quyền hạn của Owner/User.
 - Số thứ hai y đại diện cho quyền hạn của Group.
 - Số thứ ba z đại diện cho quyền hạn của Other/Guest.

Vấn đề 08: Khái quát về vấn đề phân quyền tập tin, thư mục (P5)

Giá trị của các chữ số xyz, quy định như sau:

- Read = 4
- Write = 2
- Execute = 1
- → Read + Write + Execute = 4 + 2 + 1 = 7 (Toàn quyền)
- → Read + Execute = 4 + 1 = 7 (Chỉ có thể đọc và thực thu tập tin)

Vấn đề 08: Khái quát về vấn đề phân quyền tập tin, thư mục (P6)

Một tập tin được cấu hình với quyền 754, như vậy chúng ta có các thông tin sau:

- Chữ số đầu tiên 7 = 4 + 2 + 1 → quyền: toàn quyền → Owner/User có toàn
 quyền
- Chữ số thứ hai 5 = 4 + 1 → quyền: đọc và thực thi → Group có quyền đọc và thực thi
- Chữ số thứ ba 4 → quyền: đọc → Other/Guest chỉ có quyền đọc tập tin.

Vấn đề 09: Tạo – Xóa – Cấp quyền cho thư mục

- Sử dụng hàm mkdir (\$path, \$mode) để tạo ra thư mục ở đường dẫn \$path, với quyền truy cập vào thư mục là \$mode
- Sử dụng hàm rmdir (\$path) để xóa thư mục ở đường dẫn \$path
- Sử dụng hàm fileperms (\$dirName) để xem quyền truy cập đối với thư mục
 \$dirName
- Sử dụng hàm chmod (\$dirName, \$mod) để cấp quyền truy cập cho thư mục
 \$dirName

Vấn đề 10: Tạo – Xóa – Cấp quyền cho tập tin

- Sử dụng hàm file_put_contents (\$path, null) để tạo ra tập tin ở đường dẫn
 \$path
- Sử dụng hàm unlink (\$path) để xóa tập tin ở đường dẫn \$path
- Sử dụng hàm fileperms (\$fileName) để xem quyền truy cập đối với tập tin
 \$fileName
- Sử dụng hàm chmod (\$fileName, \$mod) để cấp quyền truy cập cho tập tin
 \$fileName

Vấn đề 11: Liệt kê danh sách tập tin và thư mục

- Sử dụng hàm glob (\$pattern) để lấy danh sách các tập tin và thư mục với tên thỏa \$pattern
- Sử dụng tham số thứ hai GLOB_ONLYDIR để kết quả trả về chỉ bao gồm các thư mục.

Vấn đề 12: Tìm hiểu hàm parse_ini_file (1)

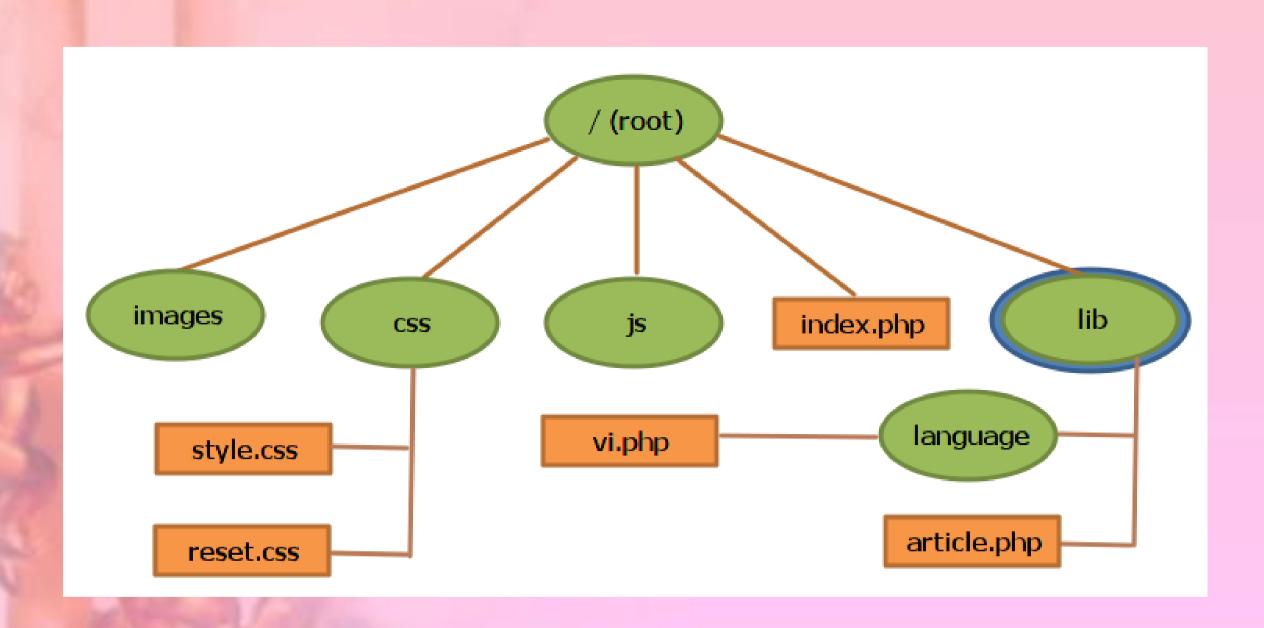
• Cấu trúc tập tin *.ini

```
; comment
 3
    □[info]
     name=Nguyễn Văn A
     age=23
 6
    □[study]
     school=Nguyễn Đình Chiều
 9
     programming=PHP
10
11
```

Vấn đề 12: Tìm hiểu hàm parse_ini_file (2)

- Sử dụng hàm parse_ini_file (\$fileName) để đọc nội dung \$fileName thành một mảng.
- Lưu ý nếu muốn đọc luôn các phần section cần truyền giá trị TRUE vào tham số
 thứ hai

Vấn đề 13: Một số định nghĩa về hệ thống cây thư mục (1)



Vấn đề 13: Một số định nghĩa về hệ thống cây thư mục (2)

- Root-directory: thư mục cao nhất trong cây thư mục và trên nó không còn có một thư mục nào khác. Root-directory được đánh dấu với ký hiệu /
- Working-directory (current directory): thư mục mà người sử dụng đang làm việc
- Parent-directory: thư mục cha thư mục nằm ngay phía trên một thư mục khác trong cây thư mục
- Path (đường dẫn): mỗi tệp tin hay thư mục trong hệ thống linux được chỉ định bởi một đường dẫn (để truy cập vào tập tin hay thư mục đó)

Vấn đề 13: Phân biệt đường dẫn tuyệt đối – Đường dẫn tương đối

- Đường dẫn tuyệt đối:
 - Là những đường dẫn được tính từ root (/), đi qua các thư mục khác cho đến tập tin hoặc
 thư mục đích
 - Khi chúng ta đang ở article.php, đường dẫn tuyệt đối đến các tập tin
 - style.css se là /style/style.css
 - vi.php se là /lib/language/vi.phpstyle.css
 - Thường được dùng với các hàm include, require để nhúng các tập tin .php vào một tập tin php nào đó hoặc dùng để khai báo thư mục chứa hình ảnh trên host

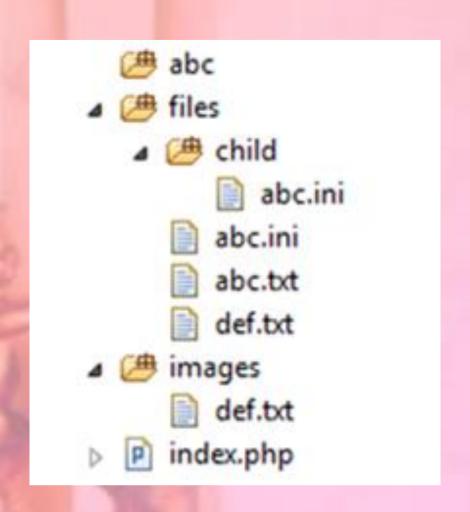
Vấn đề 13: Phân biệt đường dẫn tuyệt đối – Đường dẫn tương đối

- Đường dẫn tương đối:
 - Là những đường dẫn có điểm xuất phát là thư mục hiện tại (current diractory).
 - Khi chúng ta đang ở article.php, đường dẫn tương đối đến các tập tin
 - style.css se là ../css/style.css
 - vi.php se là /lib/language/vi.php
 - Thường được sử dụng để load các tập tin javascript, css và hình ảnh lên và hiển thị trong trang web

Vấn đề 14: Thao tác với thư mục

- getcwd() trả về thư mục hiện tại
- realpath() trả về đường dẫn tuyệt đối của đường dẫn \$path
- chdir() thay đổi thư mục hiện tại
- dir() mở một thư mục lên và thao tác với thư mục đó (3 thao tác read, rewind, close)
- opendir() mở một thư mục lên và thao tác với thư mục đó
- closedir() đóng thư mục được mở bởi hàm opendir()
- scandir() lấy danh sách các tập tin và thư mục của đường dẫn \$path

Vấn đề 15: Liệt kê cấu trúc tập tin thư mục đến cấp 2





• D: files

o F: abc.ini

F: abc.txt

o D: child

• F: def.txt

• D: images

F: def.txt

• F: index.php